

Bản án số: **791/2025/HSPT**

Ngày: 27/08/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú

+ Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Chiêu

Ông Nguyễn Thanh Nhã

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Từ Khánh Duy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Giang Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 626/2025/HSPT ngày 15/7/2025 do có kháng cáo của những người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HSST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Các Bị cáo bị kháng cáo:

1. **Bùi Văn Đ** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1993 tại tỉnh Hòa Bình; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Q, tỉnh Phú Thọ); Chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T (nay là xã B), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Họ và tên bố: Bùi Văn H, sinh năm 1963; Họ và tên mẹ: Bùi Thị T, sinh năm 1963; Gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 4; Họ và tên vợ: Bùi Thị T1, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; D chỉ bản số 48 lập ngày 10/2/2025; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Văn N** (tên gọi khác: Không) sinh năm 2004 tại tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Thôn C, xã T, huyện B (nay là xã P), tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T (nay là xã B), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Họ và tên bố: Phạm Văn C, đã chết; Họ và tên mẹ: Bùi Thị H1, sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ 2; D chỉ bản số 49 lập ngày 10/2/2025; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Gia T2** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1979 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện T (nay là xã B), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Họ và tên bố: Lê Gia C1, đã chết; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; Gia đình có 03 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ 2; Họ và tên vợ: Bùi Thị T3, sinh năm 1990; bị cáo có 01 con sinh năm 2008; Danh chỉ bản số 50 lập ngày 10/2/2025; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/7/2004 Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính Cảnh cáo về hành vi Đánh nhau; Ngày 16/8/2010, Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi Mua dâm, chấp hành xong tiền phạt ngày 17/8/2010; Ngày 07/02/2013 Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù về tội Đe dọa giết người chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2015; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

* Những người bị hại:

1. Anh Lê Xuân Đ1, sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện T (nay là xã B), thành phố Hà Nội - Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Đăng L, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện T (nay là xã B), thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai thì vụ án có nội dung như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 22/10/2024, anh Lê Xuân Đ1, anh Nguyễn Đăng L, anh Nguyễn Thế T4 và anh Đỗ Văn T5 cùng trú tại thôn T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội đến quán hát “New Anh K” ở thôn Đ, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội. Tại đây, Đ1 nói chuyện chị Phạm Thị N1 (sinh năm 2001; trú tại: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình) là nhân viên quán hát kể cho Đ1 nghe việc T5 nói xấu Đ1 nên Đ1, T5, T4, L đi đến chỗ trọ của chị N1 ở thôn T Trong, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội để gặp chị N1. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của Đ1 đi đến phòng trọ của chị N1 nhưng chị N1 đang ở quán C2 tại thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội nên nhóm của Đ1 nhờ Phạm Văn N (em trai của N1) dẫn cả nhóm đến quán C2 để gặp N1 nói chuyện. Lúc này, Bùi Văn Đ điều khiển xe máy Honda Wave BKS: 29V1-7161 đi qua thấy N ở quán cắt tóc nên dừng xe, đi vào hỏi chuyện thì giữa Đ và Đ1 xảy ra mâu thuẫn. Đ1 có dùng tay tát 02 phát vào mặt Đ. Sau khi bị đánh, Đ chở N đi về phòng trọ ở thôn T Trong, xã T, huyện T, cách quán cắt tóc khoảng 400m. Trên đường đi, Đ gọi điện cho Lê Gia T2 nói về việc bị Đ1 đánh. Lúc này, T2 đang sửa ống nước tại quán Karaoke của T2 ở thôn T, xã T, huyện T nên T2 lấy 01 ống nhựa dài khoảng 60cm và đi xe máy đến chỗ trọ của Đ để hỏi rõ sự việc. Khi T2 đi xe máy từ trong quán ra thì có gặp Trần Văn H2 (sinh năm 1973; trú tại: thôn H, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội), H2 hỏi T2 “Đi đâu đấy, cho đi cùng với” rồi

nhảy lên xe của T2 nhưng T2 không nói là đi đâu, làm gì. T2 điều khiển xe máy, H2 ngồi phía sau cầm ống nhựa. Sau khi Đ, N đi về phòng trọ thì nhóm của Đ1 đi theo sau. Lúc này, N lấy 01 thanh kiếm dài khoảng 86cm, Đ lấy 01 tuýp kim loại dài khoảng 76cm để đánh nhau với nhóm của Đ1. Tại đây, Đ1 cầm gạch ném Đ, N nhưng không trúng thì Đ cầm tuýt sắt xông ra, đuổi theo vệt 03-04 phát trúng vào chân Đ1. N cầm kiếm chém 03 phát trúng vào tay, chân của Đ1. Sau đó, N và Đ bỏ chạy ra hướng dốc đê tả sông Đ thì Nguyễn Đăng L, Nguyễn Thế T4 đuổi theo. Lúc này, Lê Gia T2 điều khiển xe máy đi đến, thấy L, T4 đang đuổi theo Đ, N nên T2 dừng xe, giật ống nhựa từ tay H2 và lao vào vệt 03-04 phát trúng người L. Thấy vậy, Đ và N quay lại, Đ cầm tuýt sắt vệt 02 phát vào người L, N dùng chân đá 01 phát trúng vào người L và dùng kiếm chém 02 phát trúng tay phải, đùi phải của L. Sau khi bị đánh, L bỏ chạy về phía xóm T Trong thì nhóm của Đ dừng lại. Sau đó, L và Đ1 được đưa đi chữa trị tại bệnh viện Q. Hậu quả:

- Lê Xuân Đ1 bị vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, vết thương mặt mu bàn tay phải, vết thương mặt trong cổ chân trái được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Q từ ngày 22/10/2024 đến 01/11/2024 ra viện.

- Nguyễn Đăng L bị vết thương hở ngón 4, 5 bàn tay phải, sây sát vùng lưng bên trái và cổ bên trái được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Q từ ngày 22/10/2024 đến 01/11/2024 ra viện.

- Bùi Văn Đ bị trầy xước đầu gối trái, không đi điều trị tại cơ sở y tế nào.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 86cm, chuôi bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm dài 63cm mũi nhọn, bản rộng nhất 4,5cm;

- 01 tuýt bằng kim loại được sơn màu vàng dài 76cm, đường kính 2,7cm.

**** Đối với thương tích Nguyễn Đăng L:***

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 8490/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của V - Bộ C3 (đối với Nguyễn Đăng L) xác định:

Đối chiếu bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đăng L tại thời điểm giám định tối thiểu là 01%. Hiện tại, anh Nguyễn Đăng L đang trong quá trình điều trị tại bệnh viện nên chưa thể khám các chuyên khoa để đánh giá chức năng vận động, cảm giác bàn tay phải và các biến chứng khác (nếu có), đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện T đưa Nguyễn Đăng L đến V để giám định bổ sung sau khi đã ra viện và thu thập hồ sơ bệnh án đầy đủ. Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương vùng bàn tay phải của Nguyễn Đăng L do vật sắc gây nên. Tổn thương tụ máu vùng bụng trên rốn của Nguyễn Đăng L do vật tày có thiết diện tròn gây nên. Các tổn thương xây sát da, tụ máu còn lại của Nguyễn Đăng L do vật tày gây nên.

Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 9368/KL-KTHS ngày 13/12/2024 của V - Bộ C3 (đối với Nguyễn Đăng L) kết luận:

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đăng L tại thời điểm giám định là: 05% (Năm phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương bàn tay phải của Nguyễn Đăng L do vật sắc gây nên, thanh kiếm gửi giám định gây được tổn thương này. Tổn thương tụ máu vùng bụng trên rốn do vật tày có thiết diện tròn gây nên; phần cán chuôi của thanh kiếm và tuýt kim loại gây được tổn thương này. Các tổn thương sây sát da tụ máu còn lại do vật tày gây nên, thanh kiếm và tuýt kim loại gây ra được tổn thương này.

*** Đối với thương tích Lê Xuân Đ1:**

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 8489/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của V - Bộ C3 (đối với Lê Xuân Đ1) xác định:

Đôi chiếu bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Xuân Đ1 tại thời điểm giám định tối thiểu là 03%. Hiện tại, anh Lê Xuân Đ1 đang trong quá trình điều trị tại bệnh viện nên chưa thể khám các chuyên khoa để đánh giá chức năng vận động, cảm giác căng - bàn tay phải, căng chân trái và các biến chứng khác (nếu có), đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện T đưa Lê Xuân Đ1 đến V để giám định bổ sung sau khi đã ra viện và thu thập hồ sơ bệnh án đầy đủ. Cơ chế hình thành thương tích: Các vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, mu bàn tay phải, mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân trái của anh Lê Xuân Đ1 do vật sắc gây nên.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 9367/KL-KTHS ngày 20 tháng 12 năm 2024 của V - Bộ C3 (đối với Lê Xuân Đ1) kết luận.

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Xuân Đ1 tại thời điểm giám định là: 07% (Bảy phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, mu bàn tay phải và mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân trái của anh Lê Xuân Đ1 do vật sắc gây nên. T6 kiếm gửi giám định gây được các tổn thương này; tuýt kim loại không gây được các tổn thương của anh Đ1.

Ngày 23/12/2024, Nguyễn Đăng L, Lê Xuân Đ1 có đơn yêu cầu khởi tố đối với các đối tượng gây ra thương tích cho mình.

Đối với thương tích của Bùi Văn Đ, do thương tích nhẹ và không điều trị tại cơ sở y tế nào. Ngày 14/11/2024, Đ có đơn xin từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu đề nghị giải quyết gì về thương tích của mình nên Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra xác định ngày 22/10/2024, sau khi Bùi Văn Đ gọi điện nói bị nhóm của Lê Xuân Đ2 đánh thì Lê Gia T2 điều khiển xe máy và cầm theo 01 ống nhựa đi đến chỗ phòng trọ của Đ2. Lúc này, T2 có gặp Trần Văn H2 thì H2 hỏi T2 “*Đi đâu đấy, cho đi cùng với*” rồi nhảy lên xe của T2 nhưng T2 không nói là đi đâu, làm gì. Mặt khác, khi T2 điều khiển xe máy chở H2 ngồi phía sau cầm ống nhựa đi đến khu vực dốc đê sông Đ do thấy Đ2, N bị Nguyễn Đăng L đuổi đánh nên T2 dừng xe, giật ống nhựa từ tay của H2 và lao vào đánh L, còn Trần Văn H2 không tham gia, không giúp sức, không kích động việc đánh nhau nên Cơ quan điều tra không đề cập xem xét xử lý Hào.

Đối với việc ngày 22/10/2024, các đối tượng nêu trên xảy ra xô sát, dùng hung khí đuổi đánh nhau tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Ngày 22/4/2025, Cơ quan điều tra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến hành vi Gây rối trật tự công cộng để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ 01 thanh kiếm, 01 thanh tuýt đều bằng kim loại. Chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với hung khí của vụ án là 01 ống nhựa mà Lê Gia T2 dùng để đánh gây thương tích cho Nguyễn Đăng L. T2 trình bày đã vứt ống nhựa này ở khu vực lề đường ven đê tả sông Đ. Cơ quan điều tra dẫn giải T2 chỉ dẫn vị trí vứt hung khí, tiến hành rà soát, truy tìm hung khí nhưng không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Đăng L yêu cầu Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia T2 bồi thường cho anh L với số tiền là 65.000.000 đồng. Lê Xuân Đ1 yêu cầu các bị can Bùi Văn Đ, Phạm Văn N bồi thường cho anh Đ1 với số tiền là 78.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HSST ngày 06/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia Trọng phạm T7 “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 15 (mười lăm) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Gia T2 12 (mười hai) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn Đ được hưởng án treo cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn N được hưởng án treo cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lê Gia T2 được hưởng án treo cho UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584; Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N phải liên đới bồi thường cho anh Lê Xuân Đại S tiền 40.000.000 đồng. (Được đối trừ vào số tiền đã nộp theo hóa đơn số 0020989 ngày 29/5/2025 và 0020993 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

T8 trả cho anh Lê Xuân Đại S tiền 40.000.000 đồng là tiền bồi thường sức khỏe do các bị cáo Bùi Văn Đ và Phạm Văn N đã nộp. (theo hóa đơn số 0020989 ngày 29/5/2025 và 0020993 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

Buộc các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia T2 phải liên đới bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Đăng L số tiền 35.000.000 đồng.

+ Phần bồi thường của mỗi bị cáo là: Bị cáo Bùi Văn Đ phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo Lê Gia T2 phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. (Được đối trừ vào số tiền đã nộp theo hóa đơn số 0020988 ngày 29/5/2025 và 0020987 ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

Bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Đăng L số tiền 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe.

T8 trả cho anh Nguyễn Đăng L số tiền 30.000.000 đồng tiền bồi thường sức khỏe do các bị cáo Bùi Văn Đ và Lê Gia T2 đã nộp. (theo hóa đơn số 0020988 ngày 29/5/2025 và 0020987 ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

Ngoài ra bản án còn tuyên về vấn đề xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, những người bị hại.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, trong đơn kháng cáo của những người bị hại đề nghị xem xét lại tội danh của các bị cáo vì cho rằng các bị cáo phạm tội có tính chất rất côn đồ, dã man, có thể coi đó là hành vi cố ý giết người không thành, gây rối trật tự công cộng, có sự chuẩn bị vũ khí thô sơ trong nhà, đánh người có sự bố trí chặn đánh người từ hai phía.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị hại Lê Xuân Đ1 vắng mặt. Người bị hại Nguyễn Đăng L có mặt tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét tội danh đối với

các bị cáo do hành vi của các bị cáo có mục đích tước đoạt mạng sống của người bị hại. Anh L đề nghị các bị cáo mỗi người phải bồi thường cho anh số tiền 50.000.000 đồng để bù đắp tổn thất tinh thần, chi phí cho người thân phải chăm sóc anh trong thời gian anh không đi làm là 01 tháng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của những người bị hại là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia T2 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Về nội dung kháng cáo của người bị hại: Xét thấy không có căn cứ chấp nhận ý kiến về tội danh đối với các bị cáo. Về mức hình phạt, tại cấp phúc thẩm những người bị hại không xuất trình được các tình tiết mới để xem xét về tội danh và yêu cầu tăng hình phạt nên không chấp nhận yêu cầu này của những người bị hại. Đối với đề nghị tăng mức bồi thường của người bị hại L thấy anh L không xuất trình được tài liệu, xét mức bồi thường cấp sơ thẩm đưa ra là hợp lý nên không có căn cứ chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HSST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia Trọng phạm T7 “*Cố ý gây thương tích*”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 15 (mười lăm) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Gia T2 12 (mười hai) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn Đ được hưởng án treo cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn N được hưởng án treo cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Gia T2 được hưởng án treo cho UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm về việc tách hành vi Gây rối trật tự công cộng là không có căn cứ.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người tham gia tố tụng có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của những người bị hại là còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của những người bị hại về tội danh xét xử đối với các bị cáo, cho rằng các bị cáo phạm tội “Giết người”, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo và những người bị hại trong vụ án có xích mích, mâu thuẫn. Những người bị hại trong vụ án này cũng có lỗi và tham gia vào việc xô xát, đánh nhau, chủ động trong hành vi xô xát trước khi người bị hại Đ1 tát bị cáo Đ. Sau khi các bị cáo Đ, N đã về nhà trọ, nhóm của Đ1, L vẫn tìm đến để tiếp tục đánh nhau. Ngoài ra, xét các thương tích của những người bị hại có tỷ lệ thương tổn thấp, các bị cáo chém, đánh không vào các vị trí hiểm yếu có thể gây nguy hiểm hoặc có khả năng tước đoạt tính mạng của những người bị hại ngay lập tức. Đánh giá động cơ, mục đích, tính chất hành vi gây thương tích của các bị cáo cho thấy các bị cáo không có mục đích, động cơ tước đoạt tính mạng của những người bị hại. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 22/10/2024, tại khu vực thôn T Trong, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, Bùi Văn Đ dùng 01 thanh tuýt bằng kim loại, Phạm Văn N dùng 01 thanh kiếm bằng kim loại và Lê Gia T2 dùng 01 ống nhựa, đều là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho Lê Xuân Đ1, Nguyễn Đăng L. Trong đó: Bùi Văn Đ dùng thanh tuýt bằng kim loại, Phạm Văn N dùng thanh kiếm đánh vào chân, tay của Lê Xuân Đ1, khiến Đ1 bị tổn hại 07% sức khỏe. Bùi Văn Đ dùng thanh tuýt, Phạm Văn N dùng thanh kiếm và Lê Gia T2 dùng ống nhựa đánh vào người, tay,

chân của Nguyễn Đăng L, khiến L bị tổn hại 05% sức khỏe. Ngày 23/12/2024, Nguyễn Đăng L, Lê Xuân Đ1 có đơn yêu cầu khởi tố đối với các đối tượng gây ra thương tích cho mình theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm kết luận các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia Trọng phạm T7 “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không chấp nhận kháng cáo về tội danh của những người bị hại.

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: Các Bị cáo Đ và N: Điều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; việc phạm tội của các bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại; các Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo thuộc hộ nghèo. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo Lê Gia T2: Khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo là con của người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ: Theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Xét tính chất hành vi phạm tội, các điều kiện nhân thân của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Những người bị hại không xuất trình được các chứng cứ mới để xem xét áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

*Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy mức bồi thường Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc các bị cáo liên đới bồi thường là có căn cứ. Tuy nhiên, xét kháng cáo của người bị hại L về việc bồi thường thêm tổn thất tinh thần cũng phù hợp nên có căn cứ chấp nhận một phần. Vì vậy, cần buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường thêm cho những người bị hại ngoài số tiền bồi thường xong ở cấp sơ thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Kháng cáo của những người bị hại được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HSST ngày 06/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia Trọng phạm T7 “Cố ý gây thương tích”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn Đ cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Q, tỉnh Phú Thọ) để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn N 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn N cho UBND xã T, huyện B (nay là xã P), tỉnh Thanh Hóa để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Gia T2 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Gia T2 cho UBND xã T, huyện T (nay là xã B), thành phố Hà Nội để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

***Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự:**

Buộc bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N có nghĩa vụ liên đới bồi thường thêm cho anh Lê Xuân Đại S tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng; kỷ phần bồi thường của mỗi bị cáo là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia T2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thêm cho anh Nguyễn Đăng L số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng; kỷ phần bồi thường của mỗi bị cáo là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Những người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, THADS,
TAND khu vực 6, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Các Bị cáo; Người BH
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú